TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 897/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Hà

2. Ông Hoàng Bá Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 585/2021/TLST-HNGĐ Ngày 24 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Công A, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 36/69 đường Lê Thị Hồng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 36/69 đường Lê Thị Hồng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2021, bản tự khai, các lần hòa giải và tại phiên Tòa, nguyên đơn là anh Trần Công A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện quen biết và yêu thương nhau đến năm 2017 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 26/6/2017. Trong quá trình chung sống có một con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 29/6/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, Chị N không tôn trọng chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Anh và Chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của anh là xin được ly hôn với Chị N. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì Chị N không đủ điều kiện để nuôi con. Bản thân anh có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2021 và các lần hòa giải tại Tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị N đồng ý ly hôn với anh Trần Công A vì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Về con chung chị không đồng ý giao con chung là trẻ Trần Minh Đ, sinh ngày 29/6/2018 cho Anh A nuôi dưỡng mà nguyện vọng của chị là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì chị đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu Anh A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ngày 22/10/2021, Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia các tài sản chung vợ chồng như sau:

1/ Nhà, đất thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại địa chỉ: Số 472/25/8 đường Lê Đức Thọ (số cũ: 26/26/1 Đường số 4), Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở số 3049/2007/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp cấp ngày 03/10/2007 cho ông Nguyễn Văn Hào và bà Trần Thị Tâm cập nhật chuyển nhượng cho anh Trần Công A ngày 20/12/2016;

2/ Hai thửa đất số 269 và 270, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại địa chỉ: Đường Nơ Trang Long, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS08267 và CS08268 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 14/4/2020 cho anh Trần Công A và chị Nguyễn Thị N;

3/ Thửa đất số 545, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ: KV Bình Dương, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS17385 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/10/2019 cho bà Lê Thị Thu Sang và cập nhật chuyển nhượng cho anh Trần Công A ngày 23/6/2020.

Ngày 28/12/2021, chị Nguyễn Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung đối với: Nhà, đất thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại địa chỉ: 472/25/8 đường Lê Đức Thọ (số cũ: 26/26/1 Đường số 4), Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngày 22/6/2022, chị Nguyễn Thị N có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với: Hai thửa đất số 269 và 270, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại địa chỉ: Đường Nơ Trang Long, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và Thửa đất số 545, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ: KV Bình Dương, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị N tự nguyện chịu các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh A là nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với Chị N, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý giao con chung cho Anh A nuôi dưỡng mà nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Anh A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Trần Công A và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Minh Đ, sinh ngày 29/6/2018 cho anh Trần Công A trực tiếp nuôi dưỡng và Anh A không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị N cho đến khi có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Ngày 28/12/2021, 22/6/2022 và tại phiên tòa, bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung vợ chồng. Xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Công A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị N, đây là quan hệ: "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại: Số 36/69 đường Lê Thị Hồng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/6/2017, xác định hôn nhân giữa anh Trần Công A và chị Nguyễn Thị N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Anh A trình bày giữa anh và Chị N không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên gia đình không hạnh phúc, Chị N thường xuyên xúc phạm nặng nề, không tôn trọng anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh A và Chị N đều xác nhận cuộc sống hôn nhân của anh, chị không hạnh phúc, anh chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả và anh chị cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay Anh A yêu cầu được ly hôn, Chị N đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa Anh A và Chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa Anh A và Chị N theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có một con chung là trẻ Trần Minh Đ, sinh ngày 29/6/2018. Các đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh A và Chị N đều là người có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, cần cân nhắc về điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên để đảm bảo quyền

lợi cho trẻ về mọi mặt trong cuộc sống, đặc biệt là điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đảm bảo cho việc học hành.

Xét, trẻ Đ từ trước đến nay đều sinh sống và học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Về phía Chị N, Chị N đang làm việc và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện tại chưa có nhà riêng, không có tài sản riêng, không có tài khoản tiết kiệm riêng nào khác. Chị N hiện đang thuê nhà ở tại địa chỉ: Số 36/69 đường Lê Thị Hồng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, tiền thuê nhà hàng tháng là 8.000.000 (Tám triệu) đồng nhưng đều do Anh A chi trả. Ngoài ra, Anh A còn chu cấp các khoản chi phí ăn uống và sinh hoạt khác hàng tháng cho Chị N và trẻ Đ. Chị N cung cấp Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty TNHH Minh Thư - Khách sạn Minh Thư, chức vụ là kế toán với mức lương là 17.500.000 đồng và thu nhập khác là 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo kết quả trả lời xác minh của cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp thì Chị N không có đăng ký và tham gia các loại bảo hiểm theo luật lao động. Tại phiên tòa, Chị N xác nhận chị chỉ làm việc tại Công ty trên vài tháng, hiện nay không còn làm việc tại Công ty TNHH Sài Gòn Minh Thư mà chỉ dạy kèm tại nhà và bán hàng trực tuyến thu nhập không rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa Chị N xác nhận vì chị dạy thêm nên ban ngày chị không có thời gian chăm sóc con, Anh A là người đưa đón con đi học và lo ăn uống đến tối mới giao trẻ Đ cho Chị N. Chị N không đồng ý giao con cho Anh A nuôi dưỡng vì chị cho rằng Anh A là người ít học, làm công việc không đứng đắn nên sẽ không thể dạy con nên người. Hội đồng xét xử nhận thấy, Chị N trình bày nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, lời trình bày của Chị N không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Về phía Anh A, trong điều kiện hiện tại Anh A có nhà cửa ổn định tại địa chỉ: Số 472/25/8 đường Lê Đức Thọ, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Anh A sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Anh A cung cấp, Anh A là hiện đang là chủ Hộ kinh doanh bún chả Hà Nội Xuân Tới, là nhân viên của Hộ kinh doanh cầm đồ F68 và tại phiên tòa Anh A cung cấp thêm Hợp đồng góp vốn mở quán Cá Chép Om Dưa với ông Nguyễn Thái Sơn để chứng minh thu nhập hàng tháng của anh là ổn định. Hiện nay, Anh A là chủ hộ kinh doanh nên có nhiều thời gian hơn để chăm sóc con vì anh chủ động được về mặt thời gian. Hàng ngày, Anh A là người đưa đón trẻ Đ đi học và lo cho trẻ Đ ăn uống đến tối mới giao con cho Chị N. Như vậy, Anh A có điều kiện thuận lợi hơn Chị N trong việc trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, để tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ Đ, đảm bảo sự ổn định, xét các điều kiện để phát triển thể chất, đảm bảo việc học hành và điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho

trẻ Đ, việc giao con chung là trẻ Trần Minh Đ, sinh ngày 29/6/2018 cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của Anh A, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của Chị N theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về quyền được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng Anh A xác định đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Anh A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Ngày 28/12/2021 và ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung đối với: Nhà, đất thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại địa chỉ: 472/25/8 đường Lê Đức Thọ (số cũ: 26/26/1 Đường số 4), Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Hai thửa đất số 269 và 270, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại địa chỉ: Đường Nơ Trang Long, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và thửa đất số 545, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ: KV Bình Dương, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ và về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bị đơn.

[3] *Về án phí:*

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 34.500.000 (Ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0047097 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Anh Trần Công A, chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Trần Công A và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí không còn hiệu lực.)

- Về con chung: Giao con chung là Trần Minh Đ, sinh ngày 29/6/2018 cho anh Trần Công A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ Đ đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị N cho đến khi có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với: Nhà, đất thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 52 tọa lạc tại địa chỉ: 472/25/8 đường Lê Đức Thọ (số cũ: 26/26/1 Đường số 4), Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Hai thửa đất số 269 và 270, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại địa chỉ: Đường Nơ Trang Long, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và Thửa đất số 545, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ: KV Bình Dương, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

- Anh Trần Công A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng anh Trần Công A đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0028552 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Anh Trần Công A đã đóng đủ án phí.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 34.500.000 (Ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0047097 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu các chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Công A, chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 17, quận Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền